



Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thông tin chung**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán
Chứng chỉ quỹ ra công chúng số**

02/GCN-UBCK

ngày 10 tháng 1 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra Công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập
Quỹ đầu tư Đại chúng dạng Quỹ mở số**

11/GCN-UBCK

ngày 15 tháng 5 năm 2014

03/GCN-UBCK

ngày 2 tháng 4 năm 2019

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư Đại chúng dạng Quỹ mở do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định.

Ban Đại Diện Quỹ

Ông Trần Phát Minh

Chủ tịch

Ông Cung Trần Việt

Thành viên

Ông Huỳnh Richard Lê Minh

Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý

Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

– Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Trụ sở đăng ký

Phòng 2303, Tòa nhà Lim Tower

Số 9-11 Tôn Đức Thắng

Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Tôi, Cung Trần Việt, Thành viên Ban Đại diện Quỹ thay mặt cho các Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở (“Thông tư 183”) và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Cung Trần Việt
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở (“Thông tư 183”) và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư 183 và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ:

Quỹ đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“Quỹ VCAMBF” hoặc “Quỹ”) hướng tới mục tiêu là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VCAMBF tuân thủ theo Giấy Chứng Nhận Đăng ký Thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Quỹ tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm 7,69% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư và các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ hoặc trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống “Top-Down Approach”, trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của Nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên “Bottom Up Approach” trong việc lựa chọn từng cơ hội đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá và phân tích tiềm năng của từng cơ hội đầu tư.

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ VCAMBF là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:

Thời gian hoạt động của Quỹ là không xác định.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình nhờ danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:

Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ là ngày 15 tháng 5 năm 2014.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 69.608.789.317 VND.
- Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành: 6.307.122,90 Chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ:

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ (tại thời điểm báo cáo):

Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ lũy kế đến thời điểm báo cáo là 2.500 VND/Chứng chỉ quỹ.

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản Quỹ:

Cơ cấu tài sản Quỹ	30/6/2020 (%)	30/6/2019 (%)	30/6/2018 (%)
1. Danh mục chứng khoán	56,18	51,48	70,37
2. Tài sản khác	43,82	48,52	29,63
Cộng	100,00	100,00	100,00

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động:

Chỉ tiêu	30/6/2020	30/6/2019	30/6/2018
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	69.608.789.317	76.634.863.141	69.861.083.169
2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	6.307.122,90	6.347.759,91	6.368.632,44
2.3. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ)	11.036,54	12.072,74	10.969,56
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	11.960,86	12.304,21	12.714,52
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	9.683,33	11.489,70	10.969,56
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	(8,58%)	10,06%	(13,19%)
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	103,47%	194,02%	64,13%
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(112,05%)	(183,96%)	(77,32%)
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	Không có	Không có
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,13%	2,07%	2,18%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,60	0,91	1,58

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ:

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
- 1 năm	(8,58%)	(8,58%)
- 3 năm	(12,66%)	(50,21%)
- Từ khi thành lập	10,37%	69,05%

4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	30/6/2020 (%)	30/6/2019 (%)	30/6/2018 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(8,58%)	10,06%	(13,19%)

III. Mô tả thị trường trong kỳ:

Tăng trưởng GDP thấp kỷ lục dưới tác động của Covid 19

GDP 6 tháng đầu năm 2020 tăng 1,81%, với mức tăng trưởng GDP quý 2 năm 2020 là 0,36% so với cùng kỳ năm trước - mức tăng thấp nhất của quý 2 các năm trong giai đoạn 2011-2020. Trong đó, động lực chính tăng trưởng nửa đầu năm là công nghiệp chế biến - chế tạo tăng 4,96%, các ngành dịch vụ (bán buôn bán lẻ tăng 4,3%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,78%).

Trong mức tăng trưởng chung của nền kinh tế, nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,19% - đóng góp 11,89% vào mức tăng trưởng chung; công nghiệp - xây dựng tăng 2,98% - đóng góp 73,14%; khu vực dịch vụ với mức tăng chỉ 0,57% - đóng góp 14,97%.

Dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2020: Bộ Kế Hoạch & Đầu tư dự báo tăng 4,5%; Bloomberg dự báo sẽ đạt 2,8%; World Bank (WB) dự báo tăng 2,8% và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) dự báo tăng 2,7%.

Số doanh nghiệp đăng ký mới bị ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19

Trong 6 tháng đầu năm 2020, cả nước có hơn 62 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 697,1 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 507,2 nghìn lao động, giảm 7,3% về số doanh nghiệp, giảm 19% về vốn đăng ký và giảm 21,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước.

Bên cạnh đó, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 29,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 38,2% so với cùng kỳ năm trước; 19,6 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 10,2%; 7,4 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 5%.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

CPI 6 tháng đầu năm 2020 tăng cao nhất trong giai đoạn 2016 - 2020

Bình quân 6 tháng đầu năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng 4,19% so với cùng kỳ năm trước, do sự tăng giá của các mặt hàng lương thực, thực phẩm chủ yếu là giá thịt lợn. Mức tăng cao nhất trong vòng 05 năm qua, với tốc độ tăng CPI bình quân 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước các năm 2016 - 2020 lần lượt là: 1,72%; 4,15%; 3,29%; 2,64% và 4,19%.

Lạm phát cơ bản bình quân 6 tháng đầu năm 2020 tăng 2,81% so với bình quân cùng kỳ năm 2019.

FDI có dấu hiệu tích cực trở lại

Vốn FDI đăng ký, tăng thêm và góp vốn đạt 15,7 tỷ USD, tương đương 85% so với cùng kỳ 2019 - năm thu hút FDI kỷ lục. FDI giải ngân đạt 8,7 tỷ USD, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, nếu xem xét riêng trong tháng 6 thì dòng vốn FDI đã bắt đầu có tín hiệu tích cực trở lại: FDI giải ngân cao nhất kể từ đầu năm (1,95 tỷ USD, tăng 8,3%); tổng vốn đăng ký và tăng thêm tăng 17,5% so với cùng kỳ.

Công nghiệp chế biến chế tạo và sản xuất, phân phối điện tiếp tục là ngành dẫn đầu về thu hút FDI với tỷ trọng lần lượt 56% và 32%

Kim ngạch xuất nhập khẩu giảm tốc lần đầu tiên kể từ sau khủng hoảng tài chính

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 238,4 tỷ USD, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, xuất khẩu đạt 121,2 tỷ USD giảm 1,1%, nhập khẩu đạt 117,2 tỷ USD giảm 3%. Mặc dù xuất khẩu đã phục hồi đáng kể so với tháng trước với mức tăng 9,5%, nhưng nếu chỉ tính riêng trong quý 2 năm 2020 thì vẫn đang giảm đến 8,5% so với cùng kỳ 2019. Nhập khẩu quý 2 ghi nhận mức giảm mạnh hơn với gần 10%. Cán cân thương mại thặng dư hơn 4 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 10,2 tỷ USD, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 14,2 tỷ USD.

Các nhóm hàng xuất khẩu chủ lực đều ghi nhận mức giảm mạnh trong 6 tháng: linh kiện và điện thoại giảm 10%, dệt may giảm 15%, trong khi hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng chưa đến 1%.

Tăng trưởng tín dụng thấp nhất cùng kỳ kể từ 2016

Tăng trưởng tín dụng toàn ngành 6 tháng đầu năm 2020 dừng ở mức 3,26%, trong khi cùng kỳ tăng 6,22% và cách khá xa số mục tiêu là 14%.

Thanh khoản hệ thống ngân hàng cải thiện đáng kể khi huy động vốn tăng trưởng trở lại 4,35% so với tăng trưởng huy động quý 1 năm 2020 là 0,51%, và cao hơn tăng trưởng tín dụng. Mặt khác, điều này cho thấy khả năng hồi phục của tín dụng còn hạn chế do các quan ngại về diễn biến của dịch bệnh, dự báo tăng trưởng cả năm chỉ ở mức 9 - 10%.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Việt Nam Đồng trượt giá 0,1% so với cùng kỳ

Trước tình trạng báo động của dịch bệnh vào giữa tháng 3 năm 2020, tỷ giá USD tăng khá mạnh khoảng 1,86% do nhu cầu USD tăng mạnh trước biến động của thị trường tài chính toàn cầu. Từ giữa tháng 4, tỷ giá có xu hướng hạ nhiệt. Và đến thời điểm cuối tháng 6 năm 2020, tỷ giá đã ổn định trở lại và trở về gần với mức đầu năm.

Nhìn chung so với các đồng tiền khác trong khu vực với mức trượt giá trên 2%, trong tháng 6 VND tăng giá 0,4% so với tháng trước, 0,1% so với cùng kỳ và được đánh giá là khá ổn định trong suốt 6 tháng đầu năm. Các nguyên nhân hỗ trợ: cán cân thương mại tiếp tục duy trì trạng thái thặng dư hơn 4 tỷ USD, dự trữ ngoại hối được củng cố ở mức cao nhất 84 tỷ USD, dòng vốn FDI có dấu hiệu quay trở lại trong tháng 6 tăng 26% so với tháng trước, sức mạnh của đồng USD bị giới hạn bởi việc nới lỏng tiền tệ.

Lãi suất tiền gửi Việt Nam Đồng điều chỉnh mạnh

Tăng trưởng tín dụng thấp do ảnh hưởng từ giảm cầu, cộng với lượng tiền dồi dào trong hệ thống ngân hàng đã tạo điều kiện cho lãi suất giảm mạnh. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước cũng đã có động thái hạ lãi suất điều hành 2 lần liên tiếp vào tháng 3 và tháng 5 với tổng mức giảm 1% - 1,5%/năm. Lãi suất bắt đầu điều chỉnh mạnh vào cuối quý 2, với mức giảm lên đến 50 điểm cơ bản, giúp lãi suất vay thiết lập mặt bằng mới thấp nhất trong vòng 10 năm qua.

VNIndex đóng cửa tháng 6 tại 825,11 điểm, giảm 14,14% so với cuối năm 2019

Các diễn biến xung quanh dịch bệnh Covid 19 là thông tin chủ đạo chi phối thị trường chứng khoán trong nửa đầu năm 2020. Đầu quý 2, thông tin tích cực về số ca nhiễm giảm dần sau các động thái giãn cách xã hội của các quốc gia đã tạo động lực đưa VNIndex hồi phục, sau khi ghi nhận biến động mạnh trong quý 1 năm 2020 với mức giảm 31,06% và VNIndex đã vượt ngưỡng 900 điểm trong những ngày đầu tháng 6. Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, thị trường ghi nhận mức tăng 24,5% so với quý trước và giảm 14,14% so với cuối năm 2019.

Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng mức huy động vốn cho nền kinh tế của thị trường chứng khoán ước tính đạt 94,6 nghìn tỷ đồng, vẫn giảm 37% so với cùng kỳ năm trước. Xem xét cụ thể các ngành trong nửa đầu 2020, vốn hóa vượt trội thuộc về ngành vật liệu tăng 24,9%, dịch vụ viễn thông tăng 34,7%, chăm sóc sức khỏe tăng 3,7%; ngược lại sự sụt giảm mạnh nhất gồm tiện ích giảm 20,3%, tiêu dùng không thiết yếu giảm 19,7%, năng lượng giảm 17,8% và bất động sản giảm 14,6%

Cùng với sự hồi phục về chỉ số, thanh khoản của thị trường trong tháng 6 đạt mức cao nhất kể từ tháng 5 năm 2018 với giá trị giao dịch bình quân trên HSX đạt hơn 6,700 tỷ đồng, tăng 19,2% so với tháng trước, với động lực đáng kể từ các nhà đầu tư cá nhân trong nước.

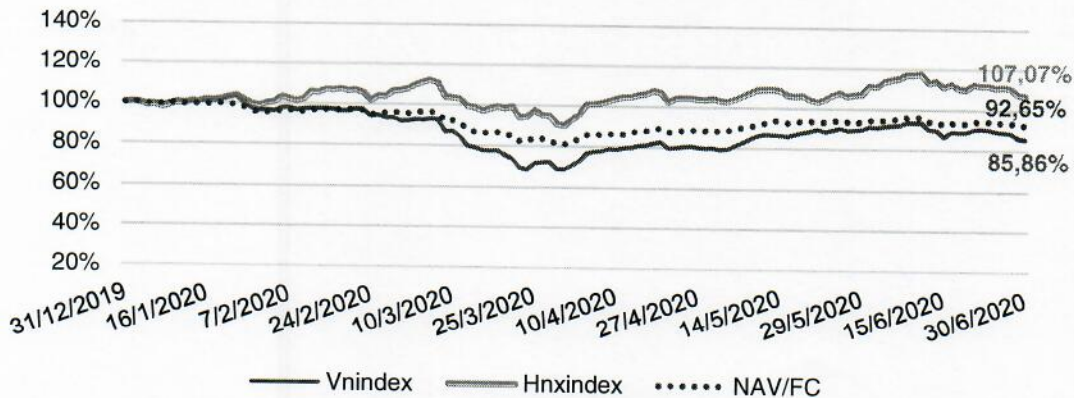
Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ:

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	(112,05%)	(97,71%)	(82,52%)
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	103,47%	85,05%	92,89%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	(8,58%)	(12,66%)	10,37%
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	(8,58%)	(50,21%)	69,05%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 6 tháng đầu năm 2020:



Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	30/6/2020 VND	31/12/2019 VND	Tỷ lệ thay đổi %
A	1	2	3=((1)-(2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	69.608.789.317	75.406.769.302	(7,69%)
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ	11.036,54	11.918,00	(7,40%)

Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ giảm nhẹ hơn giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại 30/6/2020:

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	96	80.961,84	1,28%
Từ 5.000 đến dưới 10.000	11	102.787,07	1,63%
Từ 10.000 đến dưới 50.000	1	46.646,64	0,74%
Từ 50.000 đến 500.000	2	445.676,39	7,07%
Trên 500.000	1	5.631.050,96	89,28%
Tổng cộng	111	6.307.122,90	100,00%

5. Chi phí ngầm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngầm và chính sách giảm giá.

V. Thông tin về triển vọng thị trường

Trong bối cảnh dịch bệnh trên Toàn cầu tiếp tục diễn biến phức tạp với số ca nhiễm được ghi nhận gần 12 triệu ca tính đến cuối tháng 06 năm 2020 (theo thống kê của worldometers.info), nhiều quốc gia ghi nhận mức tăng kỷ lục và hàng loạt quốc gia phải đối mặt với làn sóng bùng phát dịch lần hai. Triển vọng phục hồi trở nên âm đạm hơn khi biện pháp phòng ngừa dịch tại một số quốc gia tiếp tục đóng cửa các thành phố có ca nhiễm mới và khi nền kinh tế vẫn phải loay hoay trong quá trình triển khai các chính sách hỗ trợ phục hồi kinh tế.

Tại Việt Nam, nhờ kiểm soát dịch tốt nên hoạt động sản xuất nội địa đã trở lại bình thường và cho thấy sức phục hồi tốt. Dự báo tăng trưởng trong năm 2020 của Việt Nam sẽ tích cực hơn so với phần còn lại của Thế giới, cụ thể dự báo của WB tăng 2,8%; IMP tăng 2,7%;.... Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu, việc nối lại lưu thông, giao thương trong tình trạng các nước đang đóng cửa sẽ gặp khó khăn.

Các chính sách được kỳ vọng sẽ giúp phục hồi nền kinh tế trong nửa cuối năm 2020 đó là tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ, đẩy mạnh đầu tư công. Song song là các vấn đề cần quan tâm khi thực hiện chính sách: nhu cầu tiêu dùng, nhu cầu tín dụng giảm; doanh nghiệp không có khả năng mở rộng thị trường vì bị hạn chế giao thương do dịch bệnh; mặc dù mặt bằng lãi suất giảm nhưng chính sách hỗ trợ phục hồi kinh tế sẽ giảm tính hiệu quả và tiềm ẩn rủi ro khi lượng tiền rẻ dồi dào nhưng doanh nghiệp khó tiếp cận, lãi suất huy động giảm kích thích dòng tiền trong dân chuyển sang kênh đầu tư chứng khoán, bất động sản hay trái phiếu doanh nghiệp đang được huy động với lãi suất hấp dẫn hơn.

Trên thị trường chứng khoán, dự báo dòng tiền cuối năm vẫn tiếp tục tập trung đối với các nhóm ngành được hưởng lợi khi Việt Nam trở thành điểm sáng thu hút dòng vốn quốc tế dịch chuyển đầu tư, nhóm ngành ít bị tác động của dịch bệnh. Cụ thể, các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành tiện ích cộng đồng, bất động sản khu công nghiệp, các doanh nghiệp đang trong quá trình tái cơ cấu, M&A, vật liệu xây dựng

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

VI. Thông tin khác

1. Nhân sự điều hành Quỹ

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Nguyễn Minh Tùng	Giám đốc Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Bản Việt	<p>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Université Libre de Bruxelles (Vương quốc Bỉ)</p> <p>Cử nhân Thương mại Quốc tế, Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội)</p>	<p>Ông Tùng có 25 năm kinh nghiệm liên tục trong ngành ngân hàng và đầu tư tài chính.</p> <p>Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“VCAM”), ông Tùng làm việc tại EASTSPRING Investments Fund Management Company (một công ty của Prudential PLC, Anh Quốc). Tại đây, ông giữ chức vụ Giám đốc Phát triển các sản phẩm quỹ và là thành viên Hội đồng Đầu tư của Quỹ Eastspring Navigator Fund. Ông Tùng còn là Giám đốc Điều hành kiêm Tổng điều hành Đầu tư của Công ty quản lý quỹ đầu tư Nhân Việt (Tigers Alliance Fund Management, thành viên của Centaurus Capital, London) đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2009 – 2012. Ông cũng từng đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt từ năm 2007 đến 2009.</p> <p>Từ năm 2004 đến 2007, ông là Giám đốc Đầu tư và Điều hành của Tập đoàn Phát triển Bất động sản Paragon Holding Corporation. Từ năm 1999 đến 2004, ông Tùng là Quản trị Đầu tư Cao cấp cho Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC) thuộc Ngân hàng Thế giới.</p> <p>Trước đó, ông Tùng đã có 6 năm kinh nghiệm với vai trò Chuyên viên Cao cấp tài trợ doanh nghiệp của Ngân hàng FirstVina Bank (nay là ngân hàng Shinhanbank).</p>

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Bà Trần Đỗ Quyên	Trưởng bộ phận kế toán Quỹ	Cử nhân ngành Ngân hàng và Tài chính tại trường Đại học Singapore Institute of Management	Gia nhập VCAM từ năm 2011, bà Đỗ Quyên có kinh nghiệm trong thị trường tài chính và quản trị quỹ đầu tư chứng khoán. Bà đã có kinh nghiệm quản trị các quỹ đầu tư thành viên và quỹ mở của VCAM, bao gồm các quỹ như VCF, VCHF và VCAMBF.

2. Ban Đại diện Quỹ

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân ngành Tài chính Kế toán Doanh nghiệp tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Ông Trần Phát Minh có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Ông đã đảm nhận những chức vụ Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị của Chứng khoán Phương Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Kiên Long.
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Sydney Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi trung tâm mới được thành lập năm 1998.
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân Thương mại của Curtin University of Westen Australia Thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (CPA Australia)	Ông Huỳnh Richard Lê Minh có kinh nghiệm lâu năm trong ngành kiểm toán và quản trị chuyên nghiệp. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc PriceWaterhouseCoopers Việt Nam. Hiện tại, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“VCSC”).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

3. Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Bà Nguyễn Thanh Phượng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	<p>Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội)</p> <p>Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính Đại học Quốc tế tại Geneva (International University in Geneva), Thụy Sĩ</p>	<p>Bà Nguyễn Thanh Phượng là thành viên sáng lập của VCAM và VCSC. Bà hiện đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCAM và VCSC kể từ thời điểm thành lập năm 2007. Với việc thay đổi nhận diện thương hiệu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt – Viet Capital Bank (tiền thân là Ngân hàng Gia Định), Bà Phượng được bầu chọn vào Hội đồng Quản trị của ngân hàng này từ tháng 2 năm 2012. Trong vai trò thành viên Hội đồng Quản trị, Bà Phượng chịu trách nhiệm về định hướng tầm nhìn, quản trị chiến lược, hỗ trợ Ban Điều hành với mục tiêu đưa Viet Capital Bank trở thành những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu trên thị trường.</p> <p>Bà Phượng từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim (Việt Nam), tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ, một trong những Nhà Đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Trước khi sáng lập VCAM, Bà giữ vai trò Giám đốc đầu tư của Quỹ Vietnam Holding, một Quỹ đầu tư nước ngoài niêm yết trên thị trường chứng khoán Luân Đôn.</p>

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	<p>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Sydney</p> <p>Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)</p>	<p>Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Tổng Giám đốc của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, Ông đã từng là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi trung tâm mới được thành lập năm 1998. Kể từ năm 2002, Ông là Giảng Viên môn Quản trị Tài chính và Định giá Doanh nghiệp tại khoa Kinh Tế, Đại Học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh. Là thành viên sáng lập của Công ty Tư vấn PSV, Ông đã có quá trình cộng tác chặt chẽ với hai công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.</p>
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	<p>Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Đại học Sydney University of Technology (Australia)</p> <p>Hội viên cao cấp của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (FCPA Australia)</p>	<p>Ông Tuấn trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ. Trước khi gia nhập VCAM, ông đã giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại VinaCapital, nơi ông phụ trách các hoạt động quản lý tài chính, nguồn nhân lực và chiến lược hoạt động của công ty.</p> <p>Ngoài ra, ông Tuấn còn có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu Vietnam và thế giới như PriceWaterhouseCoopers (Vietnam và Australia) và Dutch Lady Vietnam, nơi ông lần lượt đảm trách các chức vụ Giám đốc Quản trị Thuế và Giám đốc Kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.</p>

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
<p>Ông Nguyễn Hoàng Bảo (Henry)</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Cử nhân Quản trị Kinh doanh Đại học Harvard</p> <p>Tiến sĩ Y khoa trường Đại học Northwestern</p> <p>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Kellogg School of Management – Hoa Kỳ</p>	<p>Ông Bảo hiện đang là Tổng Giám đốc của Quỹ đầu tư IDG Ventures tại Việt Nam (IDGVV), chuyên đầu tư vào các công ty thuộc lĩnh vực tiêu dùng, truyền thông và công nghệ kể từ năm 2004. Trước khi gia nhập IDG Ventures Vietnam, Ông từng là cộng sự nghiên cứu của Ngân hàng đầu tư Goldman Sachs tại New York. Ông cũng là một trong các thành viên sáng lập S2S Medical Publishing và trang web Medschool.com. Ông còn là Giám đốc Nhượng quyền Phát triển của tập đoàn McDonald's tại Việt Nam.</p> <p>Ông được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, là thành viên của Hiệp hội Asia Society. Ông còn là thành viên Hội đồng quản trị của Trường Đại học Anh Quốc tại Việt Nam. Ngoài ra, Ông còn là Chủ tịch Hội đồng cố vấn của Quỹ Phẫu thuật nụ cười Operation Smile Vietnam và là thành viên của Hiệp hội Thương mại Amcham tại Việt Nam. Ông Henry giữ chức vụ điều hành của Tập đoàn VC, Công ty cổ phần Vật Giá, Công ty cổ phần Truyền thông trực tuyến VTC, Tập đoàn Công nghệ Vega, VinaPay và Công ty cổ phần Truyền thông Mặt Trời Vàng.</p>

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Phạm Hợp Phố (Phạm Pho Hop)	Thành viên Hội đồng quản trị	Thạc sĩ về Quản trị Hành chính công tại trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ. Cử nhân ngành Khoa học Máy tính và ngành Quan hệ Quốc tế tại trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ.	Ông Phố hiện là Giám đốc Điều hành của VCAM. Ông phụ trách các dự án Private Equity M&A của Công ty. Ông có 11 năm kinh nghiệm làm việc tại quỹ đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam. Trước khi gia nhập VCAM, ông Phố giữ chức vụ Phó Chủ tịch Quỹ IDG Ventures Việt Nam (2006-2017), thành viên sáng lập muaban.net, chịu trách nhiệm quản lý các hạng mục đầu tư, nghiên cứu đánh giá thị trường, phân tích cơ hội đầu tư, phát triển doanh nghiệp, gọi vốn và thoái vốn, cho các công ty giai đoạn khởi nghiệp và tăng trưởng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, thương mại điện tử như Hotdeal.vn, NhapCuatui.com, Webtretho.com... Trước đó, ông có 5 năm là Cố vấn cấp cao Công nghệ Thông tin (Senior IT Consultant II) tại Trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt


 Ông Cung Trần Việt
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020



BIDV

Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt

Báo cáo của Ngân hàng giám sát

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“Quỹ”). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, ngoại trừ các sai lệch cụ thể như sau:

- Theo quy định tại điểm a, Khoản 4, Điều 15 Thông tư 183/2011/TT-BTC và Điều 9 Điều lệ Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt về việc đầu tư tiền gửi của Quỹ mở phải đảm bảo: “Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về ngân hàng”. Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng tại ngày 31/03/2020, 02/04/2020, tỷ lệ đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại so với giá trị tổng tài sản của Quỹ đã vượt quá tỷ lệ tối đa cho phép là 49% theo quy định. Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Bản Việt đã thực hiện điều chỉnh các khoản đầu tư tiền gửi của Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt. Đến kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng tại ngày 09/04/2020, tỷ lệ đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại đã đáp ứng tỷ lệ tối đa 49% theo quy định của pháp luật.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ VCAMBF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Quỹ VCAMBF không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

e) Thông tin khác:

- Theo quy định tại Khoản a điều 15, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt về Giao dịch chứng chỉ Quỹ, quy định: “Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ là ngày Thứ Sáu (6) thứ nhất và thứ ba trong tháng. Nếu ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ nêu trên trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày Thứ Sáu (6) kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày Thứ Sáu (6) kế tiếp vẫn là ngày nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù này trước ít nhất một (01) tháng trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ.” Ngày giao dịch là thứ Sáu thứ nhất trong tháng 05/2020 trùng ngày lễ 01/05/2020. Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt đã thực hiện công bố thông tin về ngày ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ do trùng ngày nghỉ lễ thứ Sáu 01/05/2020 và ngày giao dịch bù vào thứ Sáu ngày 08/05/2020. Tuy nhiên, phiên giao dịch ngày giao dịch 08/05/2020 đã không được thực hiện do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam không nhận được thông báo từ Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt để thực hiện các thao tác kỹ thuật tạo phiên giao dịch trên hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt đã thực hiện thành công phiên giao dịch vào ngày 22/05/2020 để thay thế cho phiên giao dịch ngày 08/05/2020 nhằm đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Quỹ và đảm bảo quyền lợi cho Nhà đầu tư với tần suất giao dịch tối thiểu 02 lần/tháng theo công văn đề nghị của Ngân hàng giám sát gửi tới Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ngày 08/05/2020.



BIDV

Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt

Báo cáo của Ngân hàng giám sát (tiếp theo)

- Đến thời điểm thực hiện báo cáo kiểm toán, Ngân hàng giám sát đã nhận thông tin về việc thay đổi người điều hành Quỹ VCAMBF hiệu lực từ ngày 01/07/2020 là Ông Phạm Pho Hop – Giám đốc Điều hành Công ty quản lý Quỹ thay thế cho Ông Nguyễn Minh Tùng – Giám đốc Quỹ VCAMBF. Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt đã thực hiện công bố thông tin trên trang điện tử của Công ty. *th*

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Bà Trần Thị Kim
Phó Giám đốc

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
– CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Bà Nguyễn Thị Song Hoanh
Phó trưởng phòng Định chế tài chính và
Lưu ký chứng khoán





KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 22 đến trang 68.

Trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00371-20-1



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3458-2020-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2020

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo thu nhập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B01g – QM
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
I	THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	01		(4.782.217.246)	2.932.695.070
1.1	Cổ tức được chia	02	11	472.493.869	940.500.000
1.2	Tiền lãi được nhận	03	11	923.947.385	724.039.087
1.3	Lỗ bán các khoản đầu tư	04	12	(526.521.559)	(1.338.195.134)
1.4	Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	13	(5.652.136.941)	2.605.663.634
1.5	Doanh thu khác	06		-	687.483
II	CHI PHÍ ĐẦU TƯ	10		57.041.877	105.397.237
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	14	57.041.877	105.397.237
III	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	20		745.056.479	788.067.916
3.1	Giá dịch vụ quản lý Quỹ	20.1	18	313.613.975	338.757.308
3.2	Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	15	135.391.348	120.725.419
3.3	Giá dịch vụ giám sát	20.3	18	33.000.000	80.352.167
3.4	Giá dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	18	99.000.000	81.089.334
3.5	Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5		66.000.000	66.000.000
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		54.699.450	54.547.945
3.10	Chi phí hoạt động khác	20.10	16	43.351.706	46.595.743
IV	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20)	23		(5.584.315.602)	2.039.229.917
VI	TỔNG (LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)	30		(5.584.315.602)	2.039.229.917
6.1	Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện	31		67.821.339	(566.433.717)
6.2	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	32		(5.652.136.941)	2.605.663.634
VIII	(LỖ)/LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)	41		(5.584.315.602)	2.039.229.917

Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán trưởng

Ông Công Trần Việt
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B02g – QM
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	31/12/2019 VND
I	TÀI SẢN				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	110	4	3.864.781.387	14.634.364.440
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		1.864.781.387	4.322.206.226
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng	112		2.000.000.000	10.312.158.214
2	Các khoản đầu tư thuần	120		65.327.569.367	60.101.073.186
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	65.327.569.367	60.101.073.186
3	Các khoản phải thu	130		600.586.262	951.447.728
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133	6	600.586.262	951.447.728
3.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	136		600.586.262	951.447.728
	TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130)	100		69.792.937.016	75.686.885.354
II	NỢ PHẢI TRẢ				
2	Phải trả về mua các khoản đầu tư	312		-	116.975.200
3	Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	313		2.063.322	13.967.787
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		1.012.664	692.972
5	Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	315		126.378	126.378
6	Chi phí phải trả	316	7	75.872.131	81.200.000
9	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	8	105.073.204	67.153.715
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 312 + 313 + 314 + 315 + 316 + 319)	300		184.147.699	280.116.052

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B02g – QM
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	31/12/2019 VND
III	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)	400		69.608.789.317	75.406.769.302
1	Vốn góp của Nhà đầu tư	411	9	63.071.229.052	63.271.328.552
1.1	Vốn góp phát hành	412		70.435.785.552	70.267.634.852
1.2	Vốn góp mua lại	413		(7.364.556.500)	(6.996.306.300)
2	Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414	9	859.842.508	873.407.391
3	Lợi nhuận chưa phân phối	420	10	5.677.717.757	11.262.033.359
IV	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	430	9	11.036,54	11.918,00
V	LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	440			
1	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong kỳ	441		-	3.053.465.780
2	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này	442		14.948.413.239	14.948.413.239
VI	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			30/6/2020 CCQ	31/12/2019 CCQ
4	Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	004	9	6.307.122,90	6.327.132,85

Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020****Mẫu B03g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Kỳ sáu tháng	Kỳ sáu tháng
		kết thúc ngày 30/6/2020 VND	kết thúc ngày 30/6/2019 VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu kỳ	75.406.769.302	74.642.489.329
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	(5.584.315.602)	2.039.229.917
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	(5.584.315.602)	2.039.229.917
III	Thay đổi NAV do mua lại và phát hành thêm Chứng chỉ quỹ	(213.664.383)	(46.856.105)
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	199.000.000	49.750.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(412.664.383)	(96.606.105)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ (IV = I + II + III)	69.608.789.317	76.634.863.141

Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Người duyệt:

Bà Trần Đỗ Quyên
Trưởng bộ phận Kế toán QuỹBà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởngÔng Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B04g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/6/2020 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 30/6/2020 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
I	Mã cổ phiếu niêm yết				
1	ACB	67.800	22.800	1.545.840.000	2,21%
2	AMV	64.500	16.900	1.090.050.000	1,56%
3	FPT	272.550	45.650	12.441.907.500	17,83%
4	GEG	125.000	22.000	2.750.000.000	3,94%
5	MBB	215.200	16.600	3.572.320.000	5,12%
6	NLG	133.715	24.500	3.276.017.500	4,69%
7	PC1	121.720	16.750	2.038.810.000	2,92%
8	PNJ	47.280	57.400	2.713.872.000	3,89%
9	STB	300.000	10.750	3.225.000.000	4,62%
10	VGC	60.000	19.050	1.143.000.000	1,65%
11	VNM	48.000	112.700	5.409.600.000	7,75%
		1.455.765		39.206.417.000	56,18%
V	Các tài sản khác				
1	Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng			26.121.152.367	37,42%
2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư			600.586.262	0,86%
				26.721.738.629	38,28%
VI	Tiền				
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền			3.864.781.387	5,54%
VII	Tổng giá trị danh mục			69.792.937.016	100,00%

Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B05g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(5.584.315.602)	2.039.229.917
Điều chỉnh cho các khoản giảm/(tăng) giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	02		5.652.136.941	(2.605.663.634)
Chênh lệch giảm/(tăng) thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03		5.652.136.941	(2.605.663.634)
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động	05		67.821.339	(566.433.717)
(Tăng)/giảm các khoản đầu tư	20		(10.878.633.122)	8.787.200.634
Giảm phải thu về bán các khoản đầu tư	06		-	623.064.000
Giảm/(tăng) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07		350.861.466	(83.051.367)
(Giảm)/tăng phải trả về mua các khoản đầu tư	10		(116.975.200)	316.874.600
Giảm phải trả cho các Đại lý phân phối	11		(11.904.465)	(22.988)
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13		319.692	(4.598)
Giảm phải trả, phải nộp khác	16		(5.327.869)	(5.493.150)
Tăng/(giảm) phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	17		37.919.489	(6.210.535)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	19		(10.555.918.670)	9.065.922.879
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ	31	9	199.000.000	49.750.000
Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ	32	9	(412.664.383)	(96.606.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	30		(213.664.383)	(46.856.105)
(Giảm)/tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ	40		(10.769.583.053)	9.019.066.774

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B05g – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	50	4	14.634.364.440	24.815.856.847
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	51		14.634.364.440	24.815.856.847
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	52		4.322.206.226	4.497.148.813
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng	52		10.312.158.214	20.318.708.034
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	55	4	3.864.781.387	33.834.923.621
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	56		3.864.781.387	33.834.923.621
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	57		1.864.781.387	7.994.792.698
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng	57		2.000.000.000	25.840.130.923
Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ	60		(10.769.583.053)	9.019.066.774

Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Người duyệt:



Bà Trần Đỗ Quyên
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ



Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) được thành lập ban đầu dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 15 tháng 5 năm 2014, điều chỉnh một lần theo Giấy Chứng nhận về việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư Đại chúng số 03/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 4 năm 2019. Theo giấy chứng nhận này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương đương với 5.431.408,95 Chứng chỉ quỹ. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Chứng chỉ quỹ được giao dịch thông qua các Đại lý phân phối.

Chứng chỉ quỹ đã được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014. Theo giấy chứng nhận này, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 VND, tương đương với 5.000.000 Chứng chỉ quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành tháng 12 năm 2013 và được điều chỉnh, bổ sung lần gần nhất (lần 6) vào tháng 4 năm 2019.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Phòng 2303, Tòa nhà Lim Tower, Số 9-11 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các tiêu chí sau:

- (i) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được nắm giữ 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm: giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- (ii) Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản: Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro; phát hành bởi một công ty hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro; phát hành bởi một công ty hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
- (iii) Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- (iv) Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ ;
- (v) Quỹ không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- (vi) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- (vii) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (viii) Quỹ không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam; và
- (ix) Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm.

Theo Thông tư số 15/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, trừ trường hợp quy định tại điểm (vii), (viii) và (ix) bên trên, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:

- (i) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- (ii) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
- (iii) Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- (iv) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- (v) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
- (vi) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ xác định giá trị tài sản ròng (NAV)

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào thứ sáu (“ngày định giá”) theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ. Trường hợp ngày định giá là ngày nghỉ lễ (theo quy định của Nhà nước) thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

Ngoài ra, Quỹ cũng xác định giá trị tài sản ròng tại ngày cuối cùng mỗi tháng cho mục đích lập báo cáo theo pháp luật chứng khoán hiện hành áp dụng cho Quỹ mở.

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.

Tần suất giao dịch Chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hai (02) lần/một (01) tháng vào ngày thứ sáu thứ nhất và thứ sáu thứ ba của tháng (“ngày giao dịch”). Trường hợp ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang thứ sáu của tuần kế tiếp. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, Đại lý phân phối, các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ về ngày giao dịch bù này trước ít nhất một (01) tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở (“Thông tư 183”) và của Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 (“Thông tư 15”) và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khác.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày trong Thuyết minh 3(b), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(e) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 3(b)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

(i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch, là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư này được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

(iii) Xác định giá trị

Theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC và Thông tư số 15/2016/TT-BTC, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

Trái phiếu

▪ Trái phiếu niêm yết – Trái phiếu Chính phủ:

Trường hợp có giao dịch tham chiếu trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày định giá, và lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm trong Giới hạn chênh lệch: Giá được xác định là giá yết cuối ngày trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).

Trường hợp không có giao dịch tham chiếu trong vòng hai (02) tuần đến ngày định giá hoặc có giao dịch nhưng lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm ngoài Giới hạn chênh lệch thì giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:

- Giá xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu là lãi suất chiết khấu trung bình do (03) tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn tại ngày giao dịch gần nhất nhưng không quá (02) tuần tính đến ngày định giá; hoặc
- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Theo phương pháp do Ban Đại Diện Quỹ quyết định

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- Trái phiếu niêm yết – Trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương:

Trường hợp có giao dịch tham chiếu trong vòng hai (02) tuần tính đến ngày định giá, và lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm trong Giới hạn chênh lệch: Giá được xác định là giá yết cuối ngày trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế).

Trường hợp không có giao dịch tham chiếu trong vòng hai (02) tuần đến ngày định giá hoặc có giao dịch nhưng lãi suất chiết khấu của kỳ định giá hiện tại nằm ngoài Giới hạn chênh lệch thì giá trái phiếu được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Theo phương pháp do Ban Đại Diện Quỹ quyết định.

- Trái phiếu niêm yết – Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu
 - Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở trái phiếu doanh nghiệp niêm yết như trên.
 - Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo như tiêu chí của mục Cổ phiếu.

- Trái phiếu không niêm yết

Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Theo phương pháp do Ban Đại Diện Quỹ quyết định.

Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu không niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.

Cổ phiếu

- Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM:

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng ba (03) tháng trước ngày định giá; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị sổ sách; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch:
Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu của các công ty này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp.
Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
 - Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
 - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
 - Giá mua; hoặc
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.
- Cổ phiếu được phép đầu tư nhưng chưa đăng ký, lưu ký và chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp.
Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
 - Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
 - Giá mua; hoặc
 - Giá trị sổ sách.
- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:
Các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
 - Giá trị sổ sách; hoặc
 - Mệnh giá; hoặc
 - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

▪ **Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản:**

Các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và chấp thuận cho từng trường hợp cụ thể.

Quyền mua chứng khoán

Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính và báo cáo thu nhập tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán và số tiền thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

(iv) *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

(c) *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư và phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) *Các khoản phải trả*

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ, phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(e) *Dự phòng*

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(f) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty Quản lý Quỹ phân loại các công cụ tài chính của Quỹ như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ để kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Công ty Quản lý Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty Quản lý Quỹ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC, quỹ mở không được cho vay (ngoại trừ trường hợp đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu).

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Công ty Quản lý Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty Quản lý Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(g) Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức đầu tư trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 96”) và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của tổ chức đầu tư theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho Nhà đầu tư là cá nhân (trong nước và nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ Nhà đầu tư cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ những tổ chức đầu tư nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92, Thông tư 25 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế khấu trừ áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại Chứng chỉ quỹ từ Nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các Nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96.

(h) Các giao dịch về vốn, thặng dư vốn và lợi nhuận chưa phân phối

(i) Vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ quỹ.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ quỹ.

(ii) *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng và mệnh giá của Chứng chỉ quỹ được phát hành/mua lại.

(iii) *Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối*

Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lỗ/lợi nhuận đã thực hiện và lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện.

Lỗ/lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện là tổng giá trị lỗ/lãi đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lỗ/lợi nhuận đã thực hiện và lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối” trên báo cáo tình hình tài chính.

(iv) *Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư*

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

(i) *Chứng chỉ quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ mở*

Chứng chỉ quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ bất kỳ lúc nào để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Tất cả các Chứng chỉ quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi Chứng chỉ quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ đồng thời cũng phản ánh lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chi thực tế từ việc phát hành/mua lại Chứng chỉ quỹ dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ và mệnh giá trên một Chứng chỉ quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Cổ tức của Quỹ được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

(j) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận:

(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(k) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm chi trả.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

(l) Giá trị tài sản ròng trên mỗi Chứng chỉ quỹ

Giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên mỗi Chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(m) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

(o) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng sau đây:

	30/6/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1.864.781.387	4.322.206.226
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng		
▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	7.312.158.214
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.000.000.000	3.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.000.000.000	10.312.158.214
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<hr/>	<hr/>
	3.864.781.387	14.634.364.440

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được Quỹ đầu tư như được liệt kê trên báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(b), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư tại các ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	Giá mua VND [1]	Giá trị thị trường VND [2]	Chênh lệch do đánh giá lại trong kỳ		Giá trị đánh giá lại VND [5]=[1]+[3]+[4]
			Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	
Ngày 30 tháng 6 năm 2020					
Cổ phiếu niêm yết	41.227.651.421	39.206.417.000	1.262.992.568	(3.284.226.989)	39.206.417.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	26.121.152.367	26.121.152.367	-	-	26.121.152.367
	67.348.803.788	65.327.569.367	1.262.992.568	(3.284.226.989)	65.327.569.367
Ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Cổ phiếu niêm yết	39.855.619.980	43.486.522.500	5.219.603.531	(1.588.701.011)	43.486.522.500
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	12.614.550.686	12.614.550.686	-	-	12.614.550.686
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
	56.470.170.666	60.101.073.186	5.219.603.531	(1.588.701.011)	60.101.073.186

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	528.586.262	408.009.372
Dự thu cổ tức	72.000.000	427.000.000
Dự thu trái tức	-	116.438.356
	<hr/>	<hr/>
	600.586.262	951.447.728
	<hr/>	<hr/>

7. Chi phí phải trả

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Phí kiểm toán	54.699.450	65.000.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000
Phí quản lý thường niên	4.972.681	-
	<hr/>	<hr/>
	75.872.131	81.200.000
	<hr/>	<hr/>

8. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Giá dịch vụ quản lý Quỹ	52.073.204	56.103.715
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán	20.000.000	-
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	-
Giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng	11.000.000	11.000.000
Giá dịch vụ giám sát Quỹ	5.500.000	-
Giá giao dịch chứng khoán	-	50.000
	<hr/>	<hr/>
	105.073.204	67.153.715
	<hr/>	<hr/>

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

9. Vốn góp của Nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương ứng với 5.431.408,95 Chứng chỉ quỹ theo mệnh giá 10.000 VND trên một Chứng chỉ quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ mở nên vốn góp và số lượng Chứng chỉ quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch Chứng chỉ quỹ.

Biến động vốn góp trong kỳ như sau:

	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2019 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Tại ngày 30/6/2020 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (1)	CCQ	7.026.763,48	16.815,07	7.043.578,55
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	70.267.634.852	168.150.700	70.435.785.552
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	2.301.306.941	30.849.300	2.332.156.241
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ quỹ (4) = (2) + (3)	VND	72.568.941.793	199.000.000	72.767.941.793
Vốn góp mua lại				
Số lượng (5)	CCQ	(699.630,63)	(36.825,02)	(736.455,65)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(6.996.306.300)	(368.250.200)	(7.364.556.500)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	(1.427.899.550)	(44.414.183)	(1.472.313.733)
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(8.424.205.850)	(412.664.383)	(8.836.870.233)
Số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)	CCQ	6.327.132,85	(20.009,95)	6.307.122,90
Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)	VND	63.271.328.552	(200.099.500)	63.071.229.052
Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (11) = (3) + (7)	VND	873.407.391	(13.564.883)	859.842.508
Lợi nhuận chưa phân phối (12)	VND	11.262.033.359	(5.584.315.602)	5.677.717.757
NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)	VND	75.406.769.302		69.608.789.317
NAV hiện hành/1 Chứng chỉ quỹ (14) = (13)/(9)	VND/CCQ	11.918,00		11.036,54

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***10. Lợi nhuận chưa phân phối**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế trong kỳ	11.262.033.359 (5.584.315.602)	10.098.824.732 2.039.229.917
Trong đó		
<i>Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện chưa phân phối</i>	67.821.339	(566.433.717)
<i>(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện</i>	(5.652.136.941)	2.605.663.634
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	5.677.717.757	12.138.054.649

11. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Cổ tức được chia trong kỳ		
<i>Cổ tức phát sinh trong kỳ đã nhận</i>	400.493.869	940.500.000
<i>Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận</i>	72.000.000	-
Cổ tức được nhận trong kỳ	472.493.869	940.500.000
Tiền lãi được nhận trong kỳ		
<i>Tiền lãi phát sinh trong kỳ đã nhận</i>	395.361.123	425.438.301
<i>Dự thu lãi chưa đến ngày nhận</i>	528.586.262	298.600.786
Tiền lãi được nhận trong kỳ	923.947.385	724.039.087
Tổng cộng	1.396.441.254	1.664.539.087

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

12. Lãi bán các khoản đầu tư

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND [3] = [1] – [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 30/6/2020 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2019 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	18.064.680.000	18.591.201.559	(526.521.559)	16.417.678.731	16.944.200.290

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND [3] = [1] – [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 30/6/2019 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2018 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	39.923.638.500	41.261.833.634	(1.338.195.134)	17.617.331.560	18.955.526.694

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

13. Chênh lệch (giảm)/tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua	Giá trị	Chênh lệch giảm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm đánh giá lại
	theo sổ kế toán VND [1]	thị trường tại ngày 30/6/2020 VND [2]	đánh giá lại tại ngày 30/6/2020 VND [3] = [2] – [1]	đánh giá lại tại ngày 31/12/2019 VND [4]	được ghi nhận trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	41.227.651.421	39.206.417.000	(2.021.234.421)	3.630.902.520	(5.652.136.941)
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	26.121.152.367	26.121.152.367	-	-	-
	67.348.803.788	65.327.569.367	(2.021.234.421)	3.630.902.520	(5.652.136.941)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua	Giá trị	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Chênh lệch tăng đánh giá lại
	theo sổ kế toán VND [1]	thị trường tại ngày 30/6/2019 VND [2]	đánh giá lại tại ngày 30/6/2019 VND [3] = [2] – [1]	đánh giá lại tại ngày 31/12/2018 VND [4]	được ghi nhận trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	37.973.306.250	39.708.605.000	1.735.298.750	(870.364.884)	2.605.663.634
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-
	40.973.306.250	42.708.605.000	1.735.298.750	(870.364.884)	2.605.663.634

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Chi phí môi giới mua cổ phiếu	29.944.856	44.211.957
Chi phí môi giới bán cổ phiếu	27.097.021	59.885.480
Chi phí giao dịch thanh toán bù trừ	-	1.299.800
	<hr/>	<hr/>
	57.041.877	105.397.237
	<hr/>	<hr/>

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Trong kỳ, giao dịch của Quỹ được thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

STT	Tên các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán				
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ	Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [4]/[5][%]	[7]	[8]
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không có liên quan	10.583.649.000	38.027.913.000	27,83%	0,15%	0,15%-0,50%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không có liên quan	12.239.450.000	38.027.913.000	32,19%	0,15%	0,15%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	15.204.814.000	38.027.913.000	39,98%	0,15%	0,15%-0,50%
Tổng			38.027.913.000		100,00%		

(*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch lô lẻ và thực hiện quyền) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán

STT	Tên các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ	Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6] = [4]/[5][%]	[7]	[8]
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không có liên quan	32.261.872.500	69.398.271.500	46,49%	0,15%	0,15%-0,50%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không có liên quan	31.906.355.000	69.398.271.500	45,98%	0,15%	0,15%-0,50%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Bên liên quan	5.230.044.000	69.398.271.500	7,53%	0,15%	0,15%-0,50%
Tổng			69.398.271.500		100,00%		

(*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch lô lẻ và thực hiện quyền) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

15. Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát	120.000.000	88.858.333
Phí giao dịch chứng khoán và xử lý hồ sơ trả cho Ngân hàng Giám sát	13.024.771	27.865.294
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	2.366.577	4.001.792
	135.391.348	120.725.419

16. Chi phí hoạt động khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	36.000.000	36.000.000
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước	4.972.681	4.958.905
Phí ngân hàng	2.379.025	5.636.838
	43.351.706	46.595.743

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

17. Giá trị tài sản ròng

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020			
		Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
	12/31/2019	75.406.769.302	6.327.132,85	11.918,00	
1	01/02/2020	75.677.949.115	6.327.132,85	11.960,86	42,86
2	01/09/2020	75.098.864.568	6.327.132,85	11.869,34	(91,52)
3	01/16/2020	74.879.228.359	6.327.132,85	11.834,62	(34,72)
4	01/23/2020	75.100.375.709	6.343.947,92	11.838,11	3,49
5	01/30/2020	74.014.386.936	6.343.947,92	11.666,93	(171,18)
6	01/31/2020	72.802.753.607	6.343.947,92	11.475,94	(190,99)
7	02/06/2020	73.141.166.774	6.343.947,92	11.529,28	53,34
8	02/13/2020	73.233.938.142	6.343.947,92	11.543,91	14,63
9	02/20/2020	73.665.268.710	6.343.947,92	11.611,90	67,99
10	02/27/2020	72.803.190.373	6.343.947,92	11.476,01	(135,89)
11	02/29/2020	72.061.610.674	6.343.947,92	11.359,11	(116,90)
12	03/05/2020	72.816.072.851	6.343.947,92	11.478,04	118,93
13	03/12/2020	66.651.119.729	6.343.947,92	10.506,25	(971,79)
14	03/19/2020	64.558.329.583	6.343.947,92	10.176,37	(329,88)
15	03/26/2020	63.302.657.735	6.343.947,92	9.978,43	(197,94)
16	03/31/2020	61.430.562.180	6.343.947,92	9.683,33	(295,10)
17	04/02/2020	62.393.631.421	6.343.947,92	9.835,14	151,81
18	04/09/2020	65.304.754.677	6.343.947,92	10.294,02	458,88
19	04/16/2020	66.702.723.841	6.343.947,92	10.514,39	220,36
20	04/23/2020	66.784.301.560	6.343.947,92	10.527,25	12,86
21	04/30/2020	67.040.687.952	6.343.947,92	10.567,66	40,41
22	05/07/2020	68.258.843.612	6.343.947,92	10.759,68	192,02
23	05/14/2020	70.709.301.399	6.343.947,92	11.145,95	386,27
24	05/21/2020	70.916.861.291	6.343.947,92	11.178,66	32,71
25	05/28/2020	70.684.908.888	6.343.947,92	11.142,10	(36,56)
26	05/31/2020	70.600.776.537	6.343.947,92	11.128,84	(13,26)
27	06/04/2020	71.711.281.124	6.343.947,92	11.303,89	175,05
28	06/11/2020	70.878.827.403	6.327.023,40	11.202,55	(101,34)
29	06/18/2020	70.374.939.140	6.327.023,40	11.122,91	(79,64)
30	06/25/2020	70.484.107.730	6.307.122,90	11.175,32	52,41
31	06/30/2020	69.608.789.317	6.307.122,90	11.036,54	(138,78)
▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ				70.119.103.579	
▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất					(971,79)
▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất					3,49

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019					
Kỳ	Tại ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2]	NAV/ICCQ	Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ
				tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	
1	31/12/2019	74.642.489.329	6.351.545,52	11.751,86	
2	03/01/2019	73.130.727.718	6.351.545,52	11.513,85	(238,01)
3	10/01/2019	73.087.156.143	6.351.545,52	11.506,99	(6,86)
4	17/01/2019	72.977.330.858	6.351.545,52	11.489,70	(17,29)
5	24/01/2019	73.084.065.254	6.351.545,52	11.506,50	16,80
6	31/01/2019	73.969.967.119	6.351.545,52	11.645,98	139,48
7	07/02/2019	73.901.320.875	6.351.545,52	11.635,17	(10,81)
8	14/02/2019	74.615.389.953	6.351.545,52	11.747,60	112,43
9	21/02/2019	74.676.185.923	6.351.545,52	11.757,17	9,57
10	28/02/2019	74.689.940.491	6.351.545,52	11.759,33	2,16
11	07/03/2019	75.303.836.098	6.351.545,52	11.855,99	96,66
12	14/03/2019	76.278.275.866	6.351.545,52	12.009,40	153,41
13	21/03/2019	76.448.461.755	6.355.688,10	12.028,35	18,95
14	28/03/2019	76.475.566.862	6.355.688,10	12.032,62	4,27
15	31/03/2019	76.493.937.893	6.355.688,10	12.035,51	2,89
16	04/04/2019	76.714.603.081	6.355.688,10	12.070,23	34,72
17	11/04/2019	76.971.302.174	6.355.688,10	12.110,62	40,39
18	18/04/2019	76.550.786.856	6.355.688,10	12.044,45	(66,17)
19	25/04/2019	77.007.813.813	6.355.688,10	12.116,36	71,91
20	30/04/2019	77.328.920.719	6.355.688,10	12.166,88	50,52
21	02/05/2019	77.561.241.598	6.355.688,10	12.203,44	36,56
22	09/05/2019	76.576.982.904	6.355.688,10	12.048,57	(154,87)
23	16/05/2019	77.757.948.914	6.355.688,10	12.234,39	185,82
24	23/05/2019	78.201.701.736	6.355.688,10	12.304,21	69,82
25	30/05/2019	77.715.833.558	6.355.688,10	12.227,76	(76,45)
26	31/05/2019	77.108.008.045	6.355.688,10	12.132,13	(95,63)
27	06/06/2019	76.793.691.043	6.355.688,10	12.082,67	(49,46)
28	13/06/2019	76.655.384.174	6.355.688,10	12.060,91	(21,76)
29	20/06/2019	77.444.942.477	6.355.688,10	12.185,14	124,23
30	27/06/2019	76.660.293.387	6.347.759,91	12.076,75	(108,39)
	30/06/2019	76.634.863.141	6.347.759,91	12.072,74	(4,01)
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ ▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất ▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất 				<p>75.960.549.348</p> <p>(238,01)</p> <p>2,16</p>	

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

18. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

(a) Giao dịch với các bên liên quan

(i) Các bên liên quan

Trong kỳ, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt - Công ty Quản lý Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Giá dịch vụ quản lý Quỹ	313.613.975	338.757.308

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận giá dịch vụ quản lý Quỹ là 0,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá (2019: 0,9% một năm). Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ kế toán năm để đảm bảo tổng giá dịch vụ quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt – bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Phí môi giới	22.807.221	7.845.066

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt là một trong các công ty chứng khoán của Quỹ và là đại lý phân phối chứng chỉ quỹ của Quỹ từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 (ngày thành lập). Phí môi giới phải trả Công ty Chứng khoán được tính bằng 0,15% giá trị từng giao dịch mua bán chứng khoán.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Ngân hàng TMCP Bản Việt – bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Thu nhập từ lãi tiền gửi	581.013.028	446.362.076

Ban Đại diện Quỹ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	36.000.000	36.000.000

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao cho thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Các hợp đồng then chốt khác

Giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Ngân hàng Giám sát

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND
Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán	120.000.000	52.666.667
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	99.000.000	43.450.000
Thu nhập lãi	63.509.700	2.775.790
Giá dịch vụ giám sát	33.000.000	14.483.333
Phí giao dịch chứng khoán và xử lý hồ sơ	13.024.771	7.465.294
Phí ngân hàng	2.379.025	1.221.000

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát tài sản và giá dịch vụ quản trị quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giám sát (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none">0,02% trên NAV mỗi năm;Mức giá dịch vụ giám sát tối thiểu là 5.500.000 VND mỗi tháng.
Lưu ký chứng khoán (không chịu VAT)	<ul style="list-style-type: none">0,06% trên NAV mỗi năm;Mức giá dịch vụ lưu ký tối thiểu là 20.000.000 VND mỗi tháng.
Quản trị quỹ (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none">0,03% trên NAV mỗi năm;Mức giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu là 16.500.000 VND mỗi tháng.

Các giá dịch vụ trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Ngoài các phí và giá dịch vụ trên, Quỹ còn phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát các chi phí liên quan đến việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giao dịch mua/bán chứng khoán	<ul style="list-style-type: none">0,03% trên tổng giá trị giao dịch;Mức phí giao dịch tối thiểu là 50.000 VND mỗi ngày có giao dịch thành công.
Trái phiếu	<ul style="list-style-type: none">0,01% trên tổng giá trị giao dịch;Mức phí giao dịch tối thiểu là 50.000 VND mỗi ngày có giao dịch thành công.
Các khoản đầu tư khác	<ul style="list-style-type: none">100.000 VND mỗi ngày phát sinh giao dịch.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***(b) Số dư với các bên liên quan**

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Công ty Quản lý Quỹ		
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt		
Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả	52.073.204	56.103.715
Số lượng Chứng chỉ quỹ đang nắm giữ	5.631.050,96	5.631.050,96
Ngân hàng giám sát		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa		
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng	2.000.000.000	3.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	1.864.781.387	4.322.206.226
Phí lưu ký chứng khoán phải trả	20.000.000	-
Phí quản trị Quỹ phải trả	16.500.000	-
Phí giám sát Quỹ phải trả	5.500.000	-
Giá giao dịch chứng khoán phải trả	-	50.000
Các bên liên quan khác		
Ngân hàng TMCP Bản Việt		
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng	-	7.312.158.214
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	16.121.152.367	7.614.550.686
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	265.093.112	202.091.563
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt		
Trái phiếu không niêm yết	-	4.000.000.000
Dự thu trái tức	-	116.438.356
Ban Đại diện Quỹ		
Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

19. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ mở

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019
I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư		
1 Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,89%	0,89%
2 Giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,48%	0,53%
3 Giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong kỳ (%)	0,47%	0,39%
4 Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,16%	0,14%
5 Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,10%	0,09%
6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	2,13%	2,07%
7 Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong kỳ (lần)	0,60	0,91

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019
II Các chỉ tiêu khác		
1 Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)		
Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	63.271.328.552	63.515.455.252
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ	6.327.132,85	6.351.545,52
2 Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)		
Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ	16.815,07	4.142,58
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	168.150.700	41.425.800
Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ	(36.825,02)	(7.928,19)
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của Nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(368.250.200)	(79.281.900)
3 Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá Chứng chỉ quỹ)		
Tổng giá trị Chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	63.071.229.052	63.477.599.152
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	6.307.122,90	6.347.759,91
4 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ	96,85 %	96,06 %
5 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của 10 Nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	98,03 %	97,41 %
6 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	0,16 %	0,28 %
7 Số Nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ	111	116
8 NAV/đơn vị quỹ cuối kỳ	11.036,54	12.072,74

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

20. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu niêm yết. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại các ngày 30 tháng 6 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2020	31/12/2019
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	3.864.781.387	14.634.364.440
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	26.121.152.367	12.614.550.686
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	4.000.000.000
	29.985.933.754	31.248.915.126

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại các ngày 30 tháng 6 năm 2020 chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Các chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	2.063.322	2.063.322	2.063.322
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	126.378	126.378	126.378
Chi phí phải trả	75.872.131	75.872.131	75.872.131
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	105.073.204	105.073.204	105.073.204
	183.135.035	183.135.035	183.135.035

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Phải trả để mua các khoản đầu tư	116.975.200	116.975.200	116.975.200
Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	13.967.787	13.967.787	13.967.787
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	126.378	126.378	126.378
Chi phí phải trả	81.200.000	81.200.000	81.200.000
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	67.153.715	67.153.715	67.153.715
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	279.423.080	279.423.080	279.423.080

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn hưởng lãi suất cố định và có thời gian đáo hạn ngắn.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là VND cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư chủ yếu vào chứng khoán niêm yết. Các chứng khoán niêm yết sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 39.206.417.000 VND (31/12/2019: 43.486.522.500 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 10% tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (31/12/2019: 10%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 3.920.641.700 VND (31/12/2019: 4.348.652.250 VND).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	30/6/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập:</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết	39.206.417.000	39.206.417.000	43.486.522.500	43.486.522.500
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	-	4.000.000.000	4.116.438.356
▪ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	26.121.152.367	26.121.152.367	12.614.550.686	12.614.550.686
<i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	3.864.781.387	3.864.781.387	14.634.364.440	14.634.364.440
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	600.586.262	600.586.262	951.447.728	951.447.728

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B06g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

	30/6/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị phân bổ</i>				
▪ Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	-	116.975.200	116.975.200
▪ Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	2.063.322	2.063.322	13.967.787	13.967.787
▪ Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	126.378	126.378	126.378	126.378
▪ Chi phí phải trả	75.872.131	75.872.131	81.200.000	81.200.000
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	105.073.204	105.073.204	67.153.715	67.153.715

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất của các cổ phiếu đó trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết được xác định theo giá mua cộng lãi lũy kế.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

21. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Hoạt động kinh doanh của Quỹ không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ và chu kỳ.

22. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán của Quỹ trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 so với ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ gần nhất.

23. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường trọng yếu nào trong kỳ ảnh hưởng đến Giá trị Tài sản ròng, Thu nhập thuần hoặc lưu chuyển tiền tệ của Quỹ.

24. Các thay đổi trong cơ cấu của Quỹ

Không có thay đổi trong cơ cấu của Quỹ kể từ ngày kết thúc năm tài chính gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B06g – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

25. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2020, ông Phạm Hợp Phố (Pham Pho Hop) là người điều hành Quỹ thay thế cho ông Nguyễn Minh Tùng.

26. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên
Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Ông Cung Trần Việt
Tổng Giám đốc

1. 2. 3. 4.

5. 6. 7. 8.

